TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG THỦY** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HS-ST.
Ngày: 28- 7-2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG THỦY, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Quý Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phương.
2. Ông Trần Văn Cường.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy, địa chỉ: Số 06 đường Đặng Tràm, phường PB, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 35/2021/HSST ngày 26 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Đình N, tên gọi khác: L. Sinh ngày 20/5/1998 tại tỉnh Thừa Thiên Huế. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn CB, xã TT, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Đình C (Đã chết); con bà: Lê Thị T; vợ, con: Chưa có; tiền án: 01 tiền án là Bản án số 31/2019/HSST ngày 31/5/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hương Thủy xử phạt bị cáo 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có", chấp hành xong ngày 18/01/2020; tiền sự: Không. Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế để đảm bảo thi hành án. Bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Anh Lê Khắc T, sinh ngày 08/4/2004. Địa chỉ: Tổ dân phố HT, thị trấn PĐ, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Khắc T: Chị Lê Thị H, sinh năm 1968 (Mẹ ruột của anh T). Địa chỉ: Tổ dân phố HT, thị trấn PĐ, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1.Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 16/4/85 đường NH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Lê Xuân T, sinh ngày 26/9/ 2003. Người đại diện hợp pháp của Lê Xuân T là mẹ ruột bà Hồ Thị D; đều trú tại: Tổ dân phố Hòa Đa T, thị trấn PĐ, huyện PV, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh T có mặt, bà D Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số 16/4/85 đường NH, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

2. Anh Lê Viết H, sinh năm 1993. Địa chỉ: Tổ 09, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Tổ 05, phường TL, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản cáo trạng số: 37/CT-VKS-HTh, ngày 24 tháng 05 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Lê Đình N về hành vi phạm tội như sau:

Sáng ngày 19/3/2020, Lê Đình N đến nhà nghỉ "T" ở Tổ 10, phường PB, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế, để chơi cùng với Lê Viết H, và Nguyễn Văn T. Tại đây, N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát: 75H1138.79 của anh Lê Khắc T, sinh ngày 08/4/2004, (N biết anh T có xe mô tô trên); để đưa đi cầm cố lấy tiền tiếu xài cá nhân.

Đến khoảng 10 giờ 30 phút cùng ngày, N điện thoại cho anh T giả vờ nói với anh T là đi xe mô tô đến nhà nghỉ T để chở N đi lấy tiền. Khi anh T đến, N nói anh T ở nhà nghỉ đợi và cho N mượn xe mô tô biển kiểm soát: 75H1-138.79 đi lấy tiền; anh T tin là thật nên giao xe N. Sau khi có được xe, N chở Hoà cùng đi lên thành phố H, khi đến khu vực Đàn NG, N nói H đứng đây chờ để N đi mua ma túy về sử dụng, rồi N điều khiển xe đến gặp chị Nguyễn Thị Thanh H, ở tại số 15 đường TH, phường TA, thành phố H, cầm cố xe cho chị H được số tiền 3.000.000 đồng rồi đến chở H cùng về lại nhà nghỉ, tiêu xài số tiền trên.

Đến khoảng 18 giờ 30 cùng ngày, anh T hỏi xe mô tô biển kiểm soát: 75H1138.79 đâu thì N nói dối xe bị hỏng, đang sửa ở thành phố H và nói anh T đến chở N đi lấy xe; anh T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát: 75C-097.59, chở N lên thành phố H, khi đến đoạn đường ĐBP, thành phố H thì N nói anh T đứng chờ và cho N mượn xe, anh T giao xe cho N thì N đưa xe đến cầm cố cho chị Nguyễn Thị Thanh H nói trên, được số tiền 8.000.000 đồng, rồi lấy xe mô tô biển kiểm soát: 75H1-138.79 đã cầm cố trước đó về trả cho anh T. Sau đó, anh T đã làm đơn trình báo sự việc trên với Cơ quan điều tra.

Tại Bản kết luận định giá số: 04/KL-HDĐGTS ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự của Uỷ ban nhân thị xã Hương Thuỷ kết luận: Giá trị xe mô tô biển kiểm soát: 75H1- 138.79 tại T điểm bị chiếm đoạt là 6.800.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với xe mô tô biển kiểm soát: 75H1-138.79, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Hương Thủy không tạm giữ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh T đã nhận lại xe mô tô biển kiểm soát: 75H1-138.79 và không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Đối với hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát: 75C-097.59, ngày 18/8/2020, Tòa án nhân dân thành phố H đã xử phạt Lê Đình N 01 năm 06 tháng tù.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Bản cáo trạng đối với bị cáo Lê Đình N, đồng T áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h, i

khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 15 đến 18 tháng tù; không xem xét bồi thường về dân sự và chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bị hại anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện tài liệu chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thì có đủ cơ sở để kết luận: Do có ý định chiếm đoạt tài sản của anh T, khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/3/2020, tại Tổ 10, phường PB, thị xã Hương Thuỷ, tỉnh Thừa Thiên Huế; Lê Đình N điện thoại cho anh T giả vờ nói với anh T là đi xe mô tô đến nhà nghỉ "T" để chở N đi lấy tiền. Khi anh T đến, N đã mượn xe anh T, sau đó đến cầm cố cho chị Nguyễn Thị Thanh H được số tiền 3.000.000 đồng, mục đích để tiêu xài. Hành vi của bị cáo đưa ra thông tin sai sự thật làm cho anh T tin tưởng và giao xe cho bị cáo. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 6.800.000 đồng (Sáu triệu tám trăm ngàn đồng) nên phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Thủy truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật viện dẫn trên là chính xác, đúng pháp luật.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Hành vi bị cáo gây ra phạm vào khung hình phạt ít nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh trong xã hội. Bị cáo Lê Đình N là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi phạm tội, đã bị pháp luật xử phạt tù nhưng không tu dưỡng, rèn luyện mà vẫn phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, để giáo dục, đồng T răn đe phòng ngừa chung và bảo vệ trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, xét cho bị cáo quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo; bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "Tái phạm" và "Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi" theo quy định tại điểm h, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Lê Đình N khai việc lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô biển kiểm soát: 75H1-138.79, là có sự tham gia của Hòa và Tý. Tuy nhiên, quá trình điều tra, chưa đủ tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ để xử lý Hòa và Tý.

Hiện bị cáo đang thi hành hình phạt tù Bản án số 168/2020/HS-PT ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, nên tổng hợp hình phạt tù của Bản án này để thi hành.

[4] Về trách nhiệm nhân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, i khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo Lê Đình N (Tên gọi khác: L) phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Đình N 01 (Một) năm tù. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 168/2020/HS-PT ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Buộc bị cáo Lê Đình N phải chấp hành hình phạt tù chung là 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng. T gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 03/4/2020.

2. Về trách nhiệm nhân sự: Bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu. Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lê Đình N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phi hình sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong T hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong T hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TTHuế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- CQ ĐT thị xã Hương Thủy;
- VKSND thị xã Hương Thủy;
- CQ Thi hành án dân sự Hương Thủy;
- CQ Thi hành án hình sự Hương Thủy;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người CQL&NVLQ;
- Người ĐDHP của Người CQL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Quý Vân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

Lê Thị Quý Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA thị xã Hương Thủy;
- Nhà tạm giữ Công an TP Huế;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có QL,NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Qúy Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở tư pháp tỉnh TT Huế;
- Phòng PV 06 CA tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- CA thị xã Hương Thủy;
- Nhà tạm giữ Công an TP Huế;
- Chi cục THADS thị xã Hương Thủy;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Qúy Vân